

**BÁO CÁO**

**Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024**

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công 5 tháng đầu năm, ước thực hiện giải ngân 6 tháng và cả năm 2023 và nhu cầu vốn năm 2024; đồng thời rà soát các nguồn vốn có khả năng đưa vào cân đối trong năm 2024,

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1448/SKHĐT-ĐT ngày 14/6/2023, UBND tỉnh báo cáo dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, như sau:

**I. Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương là 6.694 tỷ 430 triệu đồng (kèm theo biểu tổng hợp), bao gồm:**

1.1. Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 552 tỷ 430 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 321 tỷ 615 triệu đồng  
(quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020)

- Thực hiện dự án: 230 tỷ 815 triệu đồng

+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 104 tỷ 315 triệu đồng

+ Dự án khởi công mới năm 2024: 126 tỷ 500 triệu đồng

1.2. Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 5.142 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố  
(thu của các huyện, thị xã, thành phố để chi  
XDCB theo Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND): 810 tỷ đồng

- Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương  
thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng  
lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025: 18 tỷ đồng

- Thực hiện dự án:	4.314 tỷ đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2024:	2.515 tỷ đồng
+ Dự án khởi công mới năm 2024:	1.799 tỷ đồng

1.3. Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.000 tỷ đồng, trong đó:

- Trả nợ vay ODA (dự án Minh Lập-Lộc Hiệp)	16 tỷ 070 triệu đồng
- Thực hiện dự án:	744 tỷ 930 triệu đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2024:	706 tỷ 930 triệu đồng
+ Dự án khởi công mới năm 2024:	38 tỷ đồng
- Chương trình MTQG nông thôn mới:	159 tỷ đồng
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:	30 tỷ đồng
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:	20 tỷ đồng
- Vốn chuẩn bị đầu tư:	10 tỷ đồng
- Tắt toán công trình đã quyết toán:	20 tỷ đồng

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 537 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 53,7%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 159 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15,9% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

## **II. Dự kiến kết quả đạt được của phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024**

Nhìn chung, phương án phân bổ đã tuân thủ pháp luật về đầu tư công, định hướng của Trung ương và bám sát vào Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh; đáp ứng giải quyết những vấn đề bức xúc của địa phương, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó tập trung phát triển hệ thống giao thông toàn tỉnh gắn kết với hệ thống đô thị trung tâm và các trục giao thông chính. Đặc biệt các dự án giao thông kết nối liên vùng (Dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), dự án xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành, dự án đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước) có ý nghĩa tạo sự lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ phát huy được thế mạnh của từng vùng, mở ra không gian phát triển rộng hơn, từ đó tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần vào mục tiêu phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Song song với việc đầu tư kết cấu hạ tầng, tỉnh quan tâm đầu tư trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong đó tập trung tiếp tục đầu tư nâng cấp 2 trung tâm y tế thị xã Phước Long và huyện Lộc Ninh góp phần nâng cao năng lực khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tốt hơn. Nhất là việc đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp được quan tâm đầu tư hơn. Hỗ trợ xây dựng các phòng học cấp học Mầm non và tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa,

nhằm xóa bỏ các phòng học xây dựng tạm, phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp và hoàn chỉnh kế hoạch chuẩn hóa trường...

Thực hiện đầu tư có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã từng bước hoàn thiện mạng lưới cơ sở hạ tầng ở các xã vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao thương trao đổi hàng hóa, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là các đồng bào dân tộc thiểu số một cách bền vững; làm giảm khoảng cách chênh lệch giữa các dân tộc và giữa các vùng trong tỉnh, chất lượng thụ hưởng các phúc lợi xã hội ngày càng được nâng cao như: có điện thấp sáng, có nước sạch sử dụng; trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường, các dịch vụ, cơ sở khám chữa bệnh ngày càng hoàn thiện.

### **III. Các giải pháp đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024**

- Triển khai thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội; Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Công điện số 13/CĐ-BKHĐT ngày 29/12/2022, Công điện số 02/CĐ-BKHĐT ngày 22/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư vốn NSNN năm 2023. Chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 75/UBND-TH ngày 09/01/2023, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05/4/2023 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư: Xem công tác giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi và khả năng triển khai thực hiện dự án, nhất là các dự án vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố; nghiên cứu, có giải pháp căn cơ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công đã tồn tại nhiều năm nhất là công tác đền bù, GPMB, hỗ trợ tái định cư... Kiên quyết không để xảy ra tình trạng dự án được giao vốn nhưng không giải ngân được hoặc giải ngân không hết kế hoạch vốn được giao.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Tổ rà soát vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo sát sao, hiệu quả vốn đầu tư công. Duy trì giao ban định kỳ, thường xuyên về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó

khẩn vướng mắc như: Thủ tục đầu tư, công tác GPMB, công tác đấu giá quyền sử dụng đất để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng dự án để kịp thời đề ra giải pháp, tham mưu UBND tỉnh điều chuyển vốn những dự án chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân tốt hơn, đảm bảo tỷ lệ giải ngân cuối năm đạt trên 95% kế hoạch vốn được giao.

- Sở Xây dựng, Sở Tài chính cập nhật, điều chỉnh công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo quy định đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng; kiểm soát tình trạng biến động giá nguyên, nhiên liệu xây dựng và xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, nâng giá trục lợi.

- Đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố: Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy mạnh giải ngân số vốn được giao ngay từ đầu năm 2024.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư, rà soát các chương trình, dự án để đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng ưu tiên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Trên đây là báo cáo dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.


  
**CHỦ TỊCH**  
**Trần Tuệ Hiền**

**BIỂU TÔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 180 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2023		Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023				Ước thực hiện cả năm 2023				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024
			TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TW giao	Tỉnh giao	
	<b>TỔNG SỐ</b>	39.824.811	7.424.731	5.755.631	1.405.230	18,9	24,4	1.954.484	26,3	34,0	5.470.484	73,7	95,0	6.694.430			
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	6.338.565	998.121	824.121	116.821	11,7	14,2	244.000	24,4	29,6	810.000	81,2	98,3				
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	6.269.665	998.121	824.121	116.821	11,7	14,2	244.000	24,4	29,6	810.000	81,2	98,3				
	Trong đó:																
1	Các Chương trình mục tiêu	4.763.034	470.000	470.000	83.188	17,7	17,7	200.000	42,6	42,6	465.000	98,9	98,9				
2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.332.631	354.121	354.121	33.633	9,5	9,5	44.000	12,4	12,4	345.000	97,4	97,4				
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	793.410	201.962	201.962	20.870	10,3	10,3	23.500	11,6	11,6	195.921	97,0	97,0				
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.111	3.079	3.079				500	16,2	16,2	3.079	100,0	100,0				
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	529.110	149.080	149.080	12.763	8,6	8,6	20.000	13,4	13,4	146.000	97,9	97,9				
3	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	174.000	174.000														
2	Vốn nước ngoài	268.900															
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	33.286.246	6.426.610	4.931.510	1.288.409	20,0	26,1	1.710.484	26,6	34,7	4.660.484	72,5	94,5	6.694.430			
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.693.600	502.210	502.210	213.610	42,5	42,5	310.000	61,7	61,7	470.000	93,6	93,6	552.430			
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	25.748.369	5.000.000	3.514.900	803.030	16,1	22,8	1.000.000	20,0	28,5	3.320.000	66,4	94,5	5.142.000			
2.1	Khởi tính			1.981.200										4.332.000			
2.2	Khởi huyện			1.533.700										810.000			
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.680.415	900.000	890.000	271.285	30,1	30,5	400.000	44,4	44,9	870.000	96,7	97,8	1.000.000			
4	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	112.100	24.400	24.400	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0				



## DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 1/80 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Chi XD/CB tập trung	Trong đó: Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	Tổng số		41.949.986	24.442.146	11.009.724	6.694.430	552.430	5.142.000	1.000.000	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	6.193.132	1.131.615	321.615	810.000		Sở Tài chính
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860	33.000	16.070			16.070	
C	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025		140.000	28.000		18.000		18.000		
D	Vốn thực hiện dự án		41.454.429	13.552.500	3.255.314	5.289.745	230.815	4.314.000	744.930	
D1	Dự án chuyển tiếp		11.238.609	9.383.200	3.238.314	3.326.245	104.315	2.515.000	706.930	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		9.282.609	6.822.800	1.864.784	2.417.500	-	2.417.500	-	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (đối ứng NSTW)	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	65.685	125.972		125.972		Ban QLDA BTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tân đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư (đối ứng NSTW)	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000	20.000	27.000		27.000		Ban QLDA BTXD tỉnh
3	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	142.930	76.000		76.000		Ban QLDA BTXD tỉnh
4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	65.600	24.400		24.400		Ban QLDA BTXD tỉnh
5	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài DT 755 nối DT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	76.000	14.000		14.000		Ban QLDA BTXD tỉnh
6	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000	21.769	300.000		300.000		Ban QLDA BTXD tỉnh



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chi đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				Xổ số kiến thiết
							Chi XD/CB tập trung	Triển sự dụng đất			
7	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000	51.999	100.000		100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
8	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	77.500	100.000		100.000		Ban UBND TP Đông Xòai	
9	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	116.000	59.000		59.000		UBND thành phố Đông Xòai	
10	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	10.352	21.440		21.440		UBND huyện Đông Phú	
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đông Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	42.000	70.000		70.000		UBND huyện Đông Phú	
12	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đông Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	35.550	50.000		50.000		UBND huyện Đông Phú	
13	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đông Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	150.000	84.000		84.000		UBND huyện Đông Phú	
14	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Dò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đông Phú, huyện Đông Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	2.000	22.200		22.200		UBND huyện Hớn Quan	
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quan	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	70.000	70.000		70.000		UBND huyện Hớn Quan	
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	31.000	14.000		14.000		UBND huyện Hớn Quan	
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quan	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	25.000	70.000		70.000		UBND huyện Hớn Quan	
18	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đông Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quan	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	32.484	66.510		66.510		UBND huyện Hớn Quan	
19	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quan đi xã Long Tân, huyện Phú Riêng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	90.000	1.000	40.000		40.000		UBND huyện Hớn Quan	
20	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	41.100		41.100		UBND thị xã Chơn Thành	



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xỏ số Kiến thiết	
21	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000	520	28.480	28.480		UBND thị xã Chơn Thành	
22	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	108.000	1.000	70.000	70.000		UBND thị xã Chơn Thành	
23	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	45.660	56.340	56.340		UBND TX Bình Long	
24	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	25.580	53.720	53.720		UBND TX Bình Long	
25	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé ( nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	30.000	42.000	42.000		UBND TX Phước Long	
26	Xây dựng đường từ DT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	30.000	24.000	24.000		UBND TX Phước Long	
27	Xây dựng, láng nhựa đường từ DT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường DT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	28.500	25.500	25.500		UBND TX Phước Long	
28	Xây dựng, láng nhựa đường từ DT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	25.000	20.000	20.000		UBND TX Phước Long	
29	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	16.000	11.000	11.000		UBND huyện Lộc Ninh	
30	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	14.700	12.300	12.300		UBND huyện Lộc Ninh	
31	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	24.000	16.500	16.500		UBND huyện Lộc Ninh	
32	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	54.000	-	44.000	44.000		UBND huyện Lộc Ninh	
33	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	51.000	21.000	21.000		UBND huyện Bù Đốp	



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
34	Xây dựng đường liên xã Đông Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000	7.000	29.000		29.000		UBND huyện Bù Đăng
35	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	27.000	1.000	22.000		22.000		UBND huyện Bù Đăng
36	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	65.000	16.000		16.000		UBND huyện Bù Gia Mập
37	Nâng cấp, mở rộng đường DH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thảng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	28.000	26.000		26.000		UBND huyện Bù Gia Mập
38	Nâng cấp, mở rộng đường DT.760 từ ngã tư DT.741 đến cầu Đăk Ô (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ DT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	90.000	45.000		45.000		UBND huyện Bù Gia Mập
39	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	24.532	35.968		35.968		UBND huyện Bù Gia Mập
40	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường DT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	81.000	1.000	50.000		50.000		UBND huyện Bù Gia Mập
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	27.000	22.500		22.500		UBND huyện Bù Đốp
42	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	35.000	19.500		19.500		UBND huyện Bù Đốp
43	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	21.000	50.000		50.000		UBND huyện Bù Đốp
44	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	16.000	46.100		46.100		UBND huyện Bù Đốp
45	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 312 với đường DT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	33.528	74.470		74.470		UBND huyện Phú Riềng
46	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thảng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	22.000	17.000		17.000		UBND huyện Phú Riềng



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Chi XD/CB tập trung	Trong đó: Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
47	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	28.000	48.000		48.000		UBND huyện Phú Riềng
48	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đàng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	110.000	70.000		70.000		UBND huyện Phú Riềng
49	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	26.000	45.500		45.500		UBND huyện Phú Riềng
<b>II</b>	<b>Hạ tầng khu công nghiệp, KKT</b>		<b>250.000</b>	<b>225.000</b>	<b>137.200</b>	<b>79.800</b>		<b>79.800</b>		
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	30.500	14.500		14.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	34.000	11.000		11.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	14.000	23.000		23.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	27.000	18.000		18.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đông Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đông Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	31.700	13.300		13.300		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
<b>III</b>	<b>Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp</b>		<b>20.000</b>	<b>18.000</b>	<b>13.000</b>	<b>5.000</b>		<b>5.000</b>		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	13.000	5.000		5.000		Chi cục Kiểm Lâm
<b>IV</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>730.000</b>	<b>1.454.000</b>	<b>978.570</b>	<b>419.000</b>		<b>419.000</b>		
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	90.250	17.000		17.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án kiến cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiến cố cấp học Mãn non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	59.320	157.000		157.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				Số số kiến thiết
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất			
3	Hỗ trợ các huyện xây dựng 1.200 phòng học			840.000	665.000	175.000	-	-	175.000	UBND huyện Hòa Quan	
4	Xây dựng trường mầm non Đông Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021		27.000	20.000	7.000			7.000	UBND huyện Bù Đốp	
5	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021		27.000	20.000	7.000			7.000	UBND huyện Bù Đốp	
6	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021		27.000	20.000	7.000			7.000	UBND TX Bình Long	
7	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020		150.000	98.000	37.000			37.000	UBND huyện Bù Đăng	
8	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021		20.000	6.000	12.000			12.000	UBND huyện Bù Đăng	
9	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đông Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021		20.000	5.000	13.000			13.000	UBND huyện Bù Đăng	
V	<b>Y tế</b>			<b>150.000</b>	<b>1.660</b>	<b>100.000</b>			<b>100.000</b>		
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021		150.000	1.660	100.000			100.000	Sở Y tế	
VI	<b>Văn hóa xã hội</b>			<b>330.000</b>	<b>178.100</b>	<b>89.815</b>			<b>89.815</b>		
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021		130.000	80.572	34.815			34.815	Đài PTTH và Báo Bình Phước	
3	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021		120.000	81.528	25.000			25.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021		80.000	16.000	30.000			30.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
VII	<b>Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số</b>			<b>476.000</b>	<b>65.000</b>	<b>215.130</b>			<b>14.500</b>		
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021		446.000	50.000	200.630			12.700	187.930	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo			30.000	15.000	14.500			14.500	38.000	Công an tỉnh
D2	<b>Dự án khởi công mới</b>			<b>30.215.820</b>	<b>4.169.300</b>	<b>17.000</b>			<b>1.963.500</b>	<b>126.500</b>	
I	<b>Giao thông - vận tải &amp; Hạ tầng đô thị</b>			<b>29.058.000</b>	<b>3.483.100</b>	<b>-</b>			<b>1.679.000</b>	<b>50.000</b>	<b>-</b>



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		TMĐT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Dự bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025				Tổng số	Trong đó:				Xổ số kiến thiết
								Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất			
1	Xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành		1.474.000	314.000	314.000	314.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)		25.540.000	1.233.500	480.000	480.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT753 - ranh Bình Dương)		960.000	960.000	500.000	500.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
4	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài 1	2105/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	120.000	108.000	50.000	50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
5	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài 1 đến đường Phú Riềng Đỏ	813/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	300.000	270.000	100.000	100.000				UBND thành phố Đồng Xoài		
6	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000	50.000	50.000				UBND thị xã Chơn Thành		
7	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hòa Lư (phía Tây QL13)	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	15.000	15.000				UBND thị xã Chơn Thành		
8	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	1459/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	80.000	72.000	35.000	35.000				UBND huyện Lộc Ninh		
9	Xây dựng đường Tà Thiết - Hòa Lư kết nối đường phía Tây QL13	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HDND ngày 16/4/2021	100.000	90.000	30.000	30.000				UBND huyện Lộc Ninh		
10	Đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	1139/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	65.000	58.500	20.000	20.000				UBND huyện Bù Gia Mập		
11	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	54.000	48.600	15.000	15.000				UBND huyện Bù Gia Mập		
12	Xây dựng đường liên xã Đắk Nham, huyện Bù Đăng tới xã Đắk Ngo, Tuy Đức	1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	50.000	45.000	20.000	20.000				UBND huyện Bù Đăng		
13	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn - Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1231/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	30.000	27.000	15.000	15.000				UBND huyện Bù Đăng		

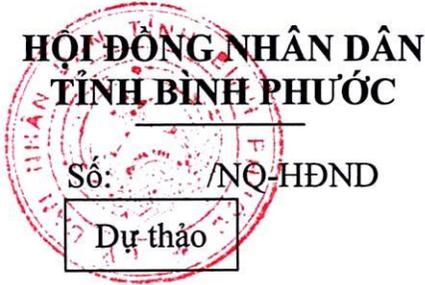


STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				Xổ số kiến thiết
							Chi XDCB tập trung	Trên sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		
14	Xây dựng đường liên xã Thống nhất đi xã Phước Sơn huyện Bù Đăng	1430/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	65.000	58.500	15.000		15.000			UBND huyện Bù Đăng	
15	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	20.000		20.000			UBND huyện Phú Riềng	
II	<b>Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp</b>		<b>919.820</b>	<b>471.500</b>	<b>17.000</b>	<b>155.000</b>	<b>15.000</b>	<b>140.000</b>	-		
1	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước) (đối ứng ODA)	631/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	604.820	156.000	50.000		50.000			Ban QLDA DTXXD tỉnh	
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	17.000	15.000		15.000		Liên minh HTX	
3	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak Tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	2056/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	140.000	126.000	50.000		50.000			UBND thị xã Phước Long	
4	Cải tạo suối chống hạn (doạn từ chân đập nước Lộc tấn đến cầu Chế Biên)	08/QĐ-UBND ngày 04/01/2023	100.000	90.000	40.000		40.000			UBND huyện Lộc Ninh	
5	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	75.000	67.500	-					UBND huyện Bù Đăng	
III	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>55.000</b>	<b>49.500</b>	<b>28.000</b>			<b>10.000</b>	<b>18.000</b>		
1	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Thái	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	20.000	18.000	18.000					UBND huyện Lộc Ninh	
2	Xây dựng Trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	35.000	31.500	10.000		10.000			UBND huyện Phú Riềng	
IV	<b>Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số</b>		<b>55.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>		<b>30.000</b>		<b>20.000</b>		
1	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000	50.000		30.000		20.000	Công an tỉnh	
V	<b>Quốc phòng - An ninh</b>		<b>128.000</b>	<b>115.200</b>	<b>51.500</b>		<b>31.500</b>	<b>20.000</b>			
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	28/NQ-HDND ngày 09/12/2022	43.000	38.700	10.000		10.000			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GD1	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	10.000		10.000			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500	31.500		31.500			Công an tỉnh	



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Chủ đầu tư	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDĐT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết
E	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đổi ứng NSTW)			1.295.000	1.136.000	159.000			159.000	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
F	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đổi ứng NSTW)			250.000	161.000	30.000			30.000	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở LĐTBXH và Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn
G	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đổi ứng NSTW)			80.000	36.000	20.000			20.000	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
H	Vốn chuẩn bị đầu tư			78.387	45.960	10.000			10.000	
I	Tất toán công trình đã quyết toán			154.375	149.318	20.000			20.000	

1. 10/10/10  
2. 10/10/10  
3. 10/10/10  
4. 10/10/10  
5. 10/10/10  
6. 10/10/10  
7. 10/10/10  
8. 10/10/10  
9. 10/10/10  
10. 10/10/10



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /NQ-HĐND

Dự thảo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.*

*Xét Báo cáo số ---/BC-UBND ngày -- tháng -- năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số --/BC-HĐND-KTNS ngày -- tháng -- năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**



**Điều 1.** Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 với các nội dung như sau:

**I. Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương là 6.694 tỷ 430 triệu đồng, bao gồm:**

- Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 552 tỷ 430 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 5.142 tỷ đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.000 tỷ đồng.

*(Kèm theo biểu tổng hợp)*

**II. Phương án phân bổ: 6.694 tỷ 430 triệu đồng, bao gồm:**

1.1. Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 552 tỷ 430 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 321 tỷ 615 triệu đồng  
(quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020)
- Thực hiện dự án: 230 tỷ 815 triệu đồng
- + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 104 tỷ 315 triệu đồng
- + Dự án khởi công mới năm 2024: 126 tỷ 500 triệu đồng

1.2. Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 5.142 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố (thu của các huyện, thị xã, thành phố để chi XDCB theo Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND): 810 tỷ đồng
- Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021- 2025: 18 tỷ đồng
- Thực hiện dự án: 4.314 tỷ đồng
- + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 2.515 tỷ đồng
- + Dự án khởi công mới năm 2024: 1.799 tỷ đồng

1.3. Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.000 tỷ đồng, trong đó:

- Trả nợ vay ODA (dự án Minh Lập -Lộc Hiệp) 16 tỷ 070 triệu đồng
- Thực hiện dự án: 744 tỷ 930 triệu đồng
- + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 706 tỷ 930 triệu đồng
- + Dự án khởi công mới năm 2024: 38 tỷ đồng
- Chương trình MTQG nông thôn mới: 159 tỷ đồng
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 30 tỷ đồng
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 20 tỷ đồng



- Vốn chuẩn bị đầu tư: 10 tỷ đồng
- Tất toán công trình đã quyết toán: 20 tỷ đồng

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 537 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 53,7%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 159 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15,9% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

*(Kèm theo biểu số 1)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

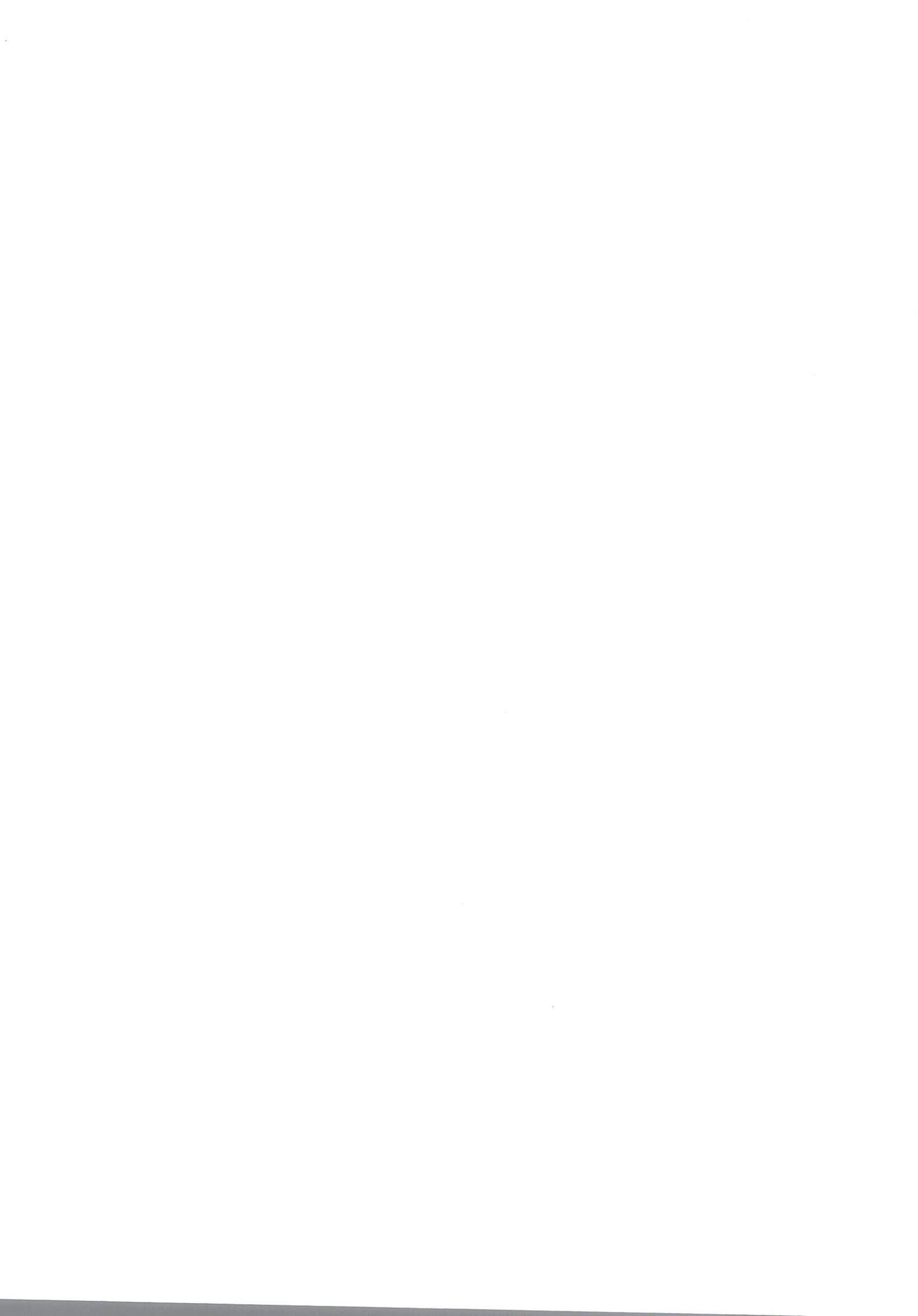
Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**



**BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2023			Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023				Ước thực hiện cả năm 2023				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024
			TYV giao	Tình giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TYV giao	Tình giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TYV giao	Tình giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TYV giao	Tình giao	Số vốn	Tỷ lệ (%) TYV giao	Tình giao		
	<b>TỔNG SỐ</b>	39.824.811	7.424.731	5.755.631	1.405.230	18,9	24,4	1.954.484	26,3	34,0	5.470.484	73,7	95,0	6.694.430				
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	6.538.565	998.121	824.121	116.821	11,7	14,2	244.000	24,4	29,6	810.000	81,2	98,3					
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	6.269.665	998.121	824.121	116.821	11,7	14,2	244.000	24,4	29,6	810.000	81,2	98,3					
	Trong đó:																	
1	Các Chương trình mục tiêu	4.763.034	470.000	470.000	83.188	17,7	17,7	200.000	42,6	42,6	465.000	98,9	98,9					
2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.332.631	354.121	354.121	33.633	9,5	9,5	44.000	12,4	12,4	345.000	97,4	97,4					
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi	793.410	201.962	201.962	20.870	10,3	10,3	23.500	11,6	11,6	195.921	97,0	97,0					
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.111	3.079	3.079				500	16,2	16,2	3.079	100,0	100,0					
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	529.110	149.080	149.080	12.763	8,6	8,6	20.000	13,4	13,4	146.000	97,9	97,9					
3	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội	174.000	174.000															
2	Vốn nước ngoài	268.900																
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	33.286.246	6.426.610	4.931.510	1.288.409	20,0	26,1	1.710.484	26,6	34,7	4.660.484	72,5	94,5	6.694.430				
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.693.600	502.210	502.210	213.610	42,5	42,5	310.000	61,7	61,7	470.000	93,6	93,6	552.430				
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	25.748.369	5.000.000	3.514.900	803.030	16,1	22,8	1.000.000	20,0	28,5	3.320.000	66,4	94,5	5.142.000				
2.1	Khởi tình			1.981.200										4.332.000				
2.2	Khởi huyện			1.533.700										810.000				
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	4.680.415	900.000	890.000	271.285	30,1	30,5	400.000	44,4	44,9	870.000	96,7	97,8	1.000.000				
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.100	24.400	24.400	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0					



## DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Trong đó: Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		
	Tổng số		41.949.986	24.442.146	11.009.724	6.694.430	552.430	5.142.000	1.000.000		
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	6.193.132	1.131.615	321.615	810.000	-		Sở Tài chính
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860	33.000	16.070			16.070		
C	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025		140.000	28.000		18.000		18.000			
D	Vốn thực hiện dự án		41.454.429	13.552.500	3.255.314	5.289.745	230.815	4.314.000	744.930		
D1	Dự án chuyển tiếp		11.238.609	9.383.200	3.238.314	3.326.245	104.315	2.515.000	706.930		
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		9.282.609	6.822.800	1.864.784	2.417.500	-	2.417.500	-		
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (đối ứng NSTW)	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	65.685	125.972		125.972			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư (đối ứng NSTW)	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000	20.000	27.000		27.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	142.930	76.000		76.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	65.600	24.400		24.400			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	76.000	14.000		14.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000	21.769	300.000		300.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Chi XD/CB tập trung	Trong đó: Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
7	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000	51.999	100.000		100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	77.500	100.000		100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	116.000	59.000		59.000		UBND TP Đồng Xoài
10	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	10.352	21.440		21.440		UBND thành phố Đồng Xoài
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	42.000	70.000		70.000		UBND huyện Đồng Phú
12	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	35.550	50.000		50.000		UBND huyện Đồng Phú
13	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	150.000	84.000		84.000		UBND huyện Đồng Phú
14	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	2.000	22.200		22.200		UBND huyện Đồng Phú
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	70.000	70.000		70.000		UBND huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	31.000	14.000		14.000		UBND huyện Hớn Quản
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	25.000	70.000		70.000		UBND huyện Hớn Quản
18	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	32.484	66.510		66.510		UBND huyện Hớn Quản
19	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	90.000	1.000	40.000		40.000		UBND huyện Hớn Quản
20	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	41.100		41.100		UBND thị xã Chơn Thành



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xố số kiến thiết	
21	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000	520	28.480	28.480		UBND thị xã Chơn Thành	
22	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	108.000	1.000	70.000	70.000		UBND thị xã Chơn Thành	
23	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	45.660	56.340	56.340		UBND TX Bình Long	
24	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	25.580	53.720	53.720		UBND TX Phước Long	
25	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé ( nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	30.000	42.000	42.000		UBND TX Phước Long	
26	Xây dựng đường từ DT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	30.000	24.000	24.000		UBND TX Phước Long	
27	Xây dựng, láng nhựa đường từ DT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường DT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	28.500	25.500	25.500		UBND TX Phước Long	
28	Xây dựng, láng nhựa đường từ DT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	25.000	20.000	20.000		UBND TX Phước Long	
29	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	16.000	11.000	11.000		UBND huyện Lộc Ninh	
30	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	14.700	12.300	12.300		UBND huyện Lộc Ninh	
31	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	24.000	16.500	16.500		UBND huyện Lộc Ninh	
32	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	54.000	-	44.000	44.000		UBND huyện Lộc Ninh	
33	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đak Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	51.000	21.000	21.000		UBND huyện Bù Đăng	



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Dự bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
34	Xây dựng đường liên xã Đông Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000	7.000	29.000		29.000		UBND huyện Bù Đăng
35	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	27.000	1.000	22.000		22.000		UBND huyện Bù Đăng
36	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	65.000	16.000		16.000		UBND huyện Bù Gia Mập
37	Nâng cấp, mở rộng đường DH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thảng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	28.000	26.000		26.000		UBND huyện Bù Gia Mập
38	Nâng cấp, mở rộng đường DT.760 từ ngã tư DT.741 đến cầu Đak O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ DT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	90.000	45.000		45.000		UBND huyện Bù Gia Mập
39	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (Kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL.14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	24.532	35.968		35.968		UBND huyện Bù Gia Mập
40	Xây dựng cấp làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường DT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	81.000	1.000	50.000		50.000		UBND huyện Bù Gia Mập
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	27.000	22.500		22.500		UBND huyện Bù Đốp
42	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	35.000	19.500		19.500		UBND huyện Bù Đốp
43	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	21.000	50.000		50.000		UBND huyện Bù Đốp
44	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	16.000	46.100		46.100		UBND huyện Bù Đốp
45	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 312 với đường DT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	33.528	74.470		74.470		UBND huyện Phú Riềng
46	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thảng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	22.000	17.000		17.000		UBND huyện Phú Riềng



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
						Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		
47	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riêng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hôm Quán)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	28.000	48.000	48.000		UBND huyện Phú Riêng	
48	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riêng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	110.000	70.000	70.000		UBND huyện Phú Riêng	
49	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	26.000	45.500	45.500		UBND huyện Phú Riêng	
<b>II</b>	<b>Hạ tầng khu công nghiệp, KKT</b>		<b>250.000</b>	<b>225.000</b>	<b>137.200</b>	<b>79.800</b>	<b>79.800</b>	<b>-</b>		
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	30.500	14.500	14.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	34.000	11.000	11.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	14.000	23.000	23.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	27.000	18.000	18.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	31.700	13.300	13.300		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
<b>III</b>	<b>Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp</b>		<b>20.000</b>	<b>18.000</b>	<b>13.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	13.000	5.000	5.000		Chi cục Kiểm Lâm	
<b>IV</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>730.000</b>	<b>1.454.000</b>	<b>978.570</b>	<b>419.000</b>	<b>-</b>	<b>419.000</b>		
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	90.250	17.000		17.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mãn non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	59.320	157.000		157.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định: ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Trong đó:		
3	Hỗ trợ các huyện xây dựng 1.200 phòng học			840.000	665.000	175.000	-	-	175.000	UBND huyện Hòa Quan
4	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikeo)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	20.000	7.000			7.000	UBND huyện Bù Đốp
5	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	20.000	7.000			7.000	UBND huyện Bù Đốp
6	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	20.000	7.000			7.000	UBND TX Bình Long
7	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	98.000	37.000			37.000	UBND huyện Bù Đăng
8	Trường mẫu giáo Hoa Phương xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	6.000	12.000			12.000	UBND huyện Bù Đăng
9	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	18.000	5.000	13.000			13.000	UBND huyện Bù Đăng
V	Y tế		150.000	135.000	1.660	100.000	-	-	100.000	
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	135.000	1.660	100.000			100.000	Sở Y tế
VI	Văn hóa xã hội		330.000	297.000	178.100	89.815	89.815	-	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	80.572	34.815	34.815			Đài PTTT và Báo Bình Phước
3	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	81.528	25.000	25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	16.000	30.000	30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		476.000	431.400	65.000	215.130	14.500	12.700	187.930	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	446.000	401.400	50.000	200.630		12.700	187.930	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP		30.000	30.000	15.000	14.500	14.500			Công an tỉnh
D2	Dự án khởi công mới		30.215.820	4.169.300	17.000	1.963.500	126.500	1.799.000	38.000	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		29.058.000	3.483.100	-	1.679.000	50.000	1.629.000	-	



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		TMĐT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm					Tổng số	Chi XD/CB tập trung	Trên sử dụng đất	Xỏ số kiến thiết	
1	Xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành			1.474.000	314.000		314.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)			25.540.000	1.233.500		480.000		480.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT753 - rành Bình Dương)			960.000	960.000		500.000		500.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	2105/QĐ-UBND ngày 10/11/2022		120.000	108.000		50.000		50.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riêng Đò	813/QĐ-UBND ngày 05/5/2022		300.000	270.000		100.000		100.000		UBND thành phố Đồng Xoài
6	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023		100.000	90.000		50.000	50.000			UBND thị xã Chơn Thành
7	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13)	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020		80.000	72.000		15.000		15.000		UBND thị xã Chơn Thành
8	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	1459/QĐ-UBND ngày 03/6/2021		80.000	72.000		35.000		35.000		UBND huyện Lộc Ninh
9	Xây dựng đường Tà Thiết - Hoa Lư kết nối đường phía Tây QL13	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HDND ngày 16/4/2021		100.000	90.000		30.000		30.000		UBND huyện Lộc Ninh
10	Đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	1139/QĐ-UBND ngày 20/6/2022		65.000	58.500		20.000		20.000		UBND huyện Bù Gia Mập
11	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020		54.000	48.600		15.000		15.000		UBND huyện Bù Gia Mập
12	Xây dựng đường liên xã Đắk Nham, huyện Bù Đăng tới xã Đắk Ngo, Tuy Đức	1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2021		50.000	45.000		20.000		20.000		UBND huyện Bù Đăng
13	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn - Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1231/QĐ-UBND ngày 13/5/2021		30.000	27.000		15.000		15.000		UBND huyện Bù Đăng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		TMĐT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm					Tổng số	Chi XDCB tập trung	Trong đó: Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết				
14	Xây dựng đường liên xã Thống nhất đi xã Phước Sơn huyện Bu Đăng	1430/QĐ-UBND ngày 02/6/2022		65.000	58.500		15.000		15.000		UBND huyện Bu Đăng			
15	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020		40.000	36.000		20.000		20.000		UBND huyện Phú Riêng			
<b>II</b>	<b>Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp</b>			<b>919.820</b>	<b>471.500</b>		<b>17.000</b>		<b>155.000</b>		<b>15.000</b>	<b>140.000</b>		
1	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước) (đối ứng ODA)	631/QĐ-TTg ngày 20/5/2022		604.820	156.000		50.000		50.000					Ban QLDA DTXD tỉnh
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã				32.000		17.000		15.000		15.000			Liên minh HTX
3	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak toi phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	2056/QĐ-UBND ngày 02/11/2022		140.000	126.000		50.000		50.000					UBND thị xã Phước Long
4	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Chế Biên)	08/QĐ-UBND ngày 04/01/2023		100.000	90.000		40.000		40.000					UBND huyện Lộc Ninh
5	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bu Đăng	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020		75.000	67.500		-		-					UBND huyện Bu Đăng
<b>III</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>			<b>55.000</b>	<b>49.500</b>		<b>28.000</b>		<b>10.000</b>		<b>18.000</b>			
1	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Thái	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020		20.000	18.000		18.000		18.000					UBND huyện Lộc Ninh
2	Xây dựng Trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020		35.000	31.500		10.000		10.000					UBND huyện Phú Riêng
<b>IV</b>	<b>Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số</b>			<b>55.000</b>	<b>50.000</b>		<b>50.000</b>		<b>30.000</b>		<b>20.000</b>			
1	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022		55.000	50.000		50.000		30.000					Công an tỉnh
<b>V</b>	<b>Quốc phòng - An ninh</b>			<b>128.000</b>	<b>115.200</b>		<b>51.500</b>		<b>20.000</b>		<b>-</b>			
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	28/NQ-HDND ngày 09/12/2022		43.000	38.700		10.000		10.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mặt danh: HBP-21/GD1	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020		50.000	45.000		10.000		10.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023		35.000	31.500		31.500		31.500					Công an tỉnh

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Chi đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Trong đó:	Xổ số kiến thiết	
						Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất		
E	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đổi ứng NSTW)			1.295.000	1.136.000			159.000	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
F	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đổi ứng NSTW)			250.000	161.000			30.000	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở LĐTBXH và Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn
G	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đổi ứng NSTW)			80.000	36.000			20.000	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
H	Vốn chuẩn bị đầu tư			78.387	45.960			10.000	
I	Tất toán công trình đã quyết toán			154.375	149.318			20.000	